

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÙ LAO DUNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 9 - 2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Mỹ Xuyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

2. Bà Thái Thị Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Thừa –Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 77/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Yến Nh, sinh năm: 2000. Cư trú tại: Ấp Ph, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Đặng Văn M, sinh năm: 1987. Cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 6 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Yến Nh trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Yến Nh và anh Đặng Văn M tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào tháng 11/2018, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị Nh và anh M sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay. Nay chị Nh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M không còn, nên chị Nh yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa chị và anh M không phải là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Nh và anh M không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh không có yêu cầu gì.

Bị đơn là anh Đặng Văn M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, anh M không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh M.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Anh Đặng Văn M là bị đơn trong vụ án, anh M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

Đối với nguyên đơn chị Trần Thị Yến Nh, đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Yến Nh và anh Đặng Văn M tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào tháng 11/2018, trên tinh thần tự nguyện của anh chị, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đến tháng 7/2019 thì anh chị sống ly thân cho đến nay. Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nh yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa chị và anh M không phải là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nh và anh M chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11/2018, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nh yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa chị và anh M không phải là vợ chồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình xử tuyên bố không công nhận chị Nh và anh M là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Nh và anh M không có con chung, chị Nh không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nh phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Anh M không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Yến Nh.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Yến Nh và anh Đặng Văn M là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Yến Nh phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị Nh được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002944 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Nh đã nộp xong tiền án phí Hôn nhân và gia đình; Anh Đặng Văn M không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Yến Nh và anh Đặng Văn M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận

được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Mỹ Xuyên**